

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HS- ST

Ngày: 24/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH:**

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Quân và ông Võ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Soan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2024/TLST-HS, ngày 27 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 05/2025/HSST- QĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 419/TB-TA, ngày 11 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Xuân T1, sinh ngày 02/9/1989 tại xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 1 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở: Tổ dân phố Cảnh Trường, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Xuân Điều (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phẩm, sinh năm 1954; Anh chị em ruột có 06 người bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Vợ: Lê Thị Thanh Ngọc, sinh năm 1993; Con: 04 người con (Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019)

*Tiền án, tiền sự: Không.

*Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 02/7/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt tại phiên toà)

2. Lê Anh T2, sinh ngày 08/10/1990 tại xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 1 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Xuân Khang, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1966; Anh chị em ruột có 04 người bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Mai, sinh năm 1994; Con: 02 người con (Lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022)

*Tiền án, tiền sự: Không.

**Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 02/7/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt tại phiên tòa)*

3. Bùi Duy H, sinh ngày 08/7/1994 tại xã Liên H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Phú C, xã Liên H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Văn Ngà, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Hưng, sinh năm 1972; Anh chị em ruột có 02 người bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Con: 02 con (Lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019)

**Tiền án, tiền sự: Không.*

**Tiền sự: Ngày 03/8/2022 bị Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 10.000.000 đồng về hành vi “Cô ý gây thương tích” (chưa chấp hành việc xử phạt).*

**Nhân thân: Ngày 27/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái thép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành án xong ngày 27/4/2018 (đã được xóa án tích).*

**Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 04/7/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt tại phiên tòa)*

4. Triệu Thanh T, sinh ngày 01/6/1986 tại xã Đồng T, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu Thống Nhất, xã Đồng T, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân Tiềm, sinh năm 1958 và bà Triệu Thị Tân, sinh năm 1961; Anh chị em ruột có 02 người bị cáo là con đầu trong gia đình; Chồng thứ nhất: Nguyễn Chí Dương, sinh năm 1986 (đã ly hôn); chồng thứ hai: Lê T1 Long, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Con: Có 02 con (Lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014);

**Tiền án, tiền sự: Không.*

**Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 04/7/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt tại phiên tòa)*

**Người bị hại:*

1. Anh Dương Văn T3, sinh năm: 2002; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú:: Tổ dân phố (TDP) Đồ G, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Anh Lê Văn B, sinh năm: 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Trường P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Anh Đinh Xuân H, sinh năm: 2005; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Trường P, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1989; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn 3 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
5. Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm: 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Lê L, phường Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Anh Lê Văn T, sinh năm: 2001; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Cảnh T, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
7. Anh Lê Anh T2, sinh năm: 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Trường Y, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Anh Lê Văn A, sinh năm: 1997; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Trường S, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
9. Anh Dương Anh Đ, sinh năm: 1986; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Trường S, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
10. Anh Nguyễn S, sinh năm: 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn 3 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
11. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 2001; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn 3 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
12. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm: 2001; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn 7, xã Ia T, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.
13. Anh Nguyễn Bá L, sinh năm: 1992; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn Phú H, xã Cẩm H, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
14. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm: 1988; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Hồng H, phường Kỳ P, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
15. Anh Phùng Công D, sinh năm: 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Hồng H, phường Kỳ P, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
16. Anh Lê Văn H, sinh năm: 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Cảnh T, phường Kỳ T, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
17. Anh Lê Thanh H, sinh năm: 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: TDP Quyết T, phường Kỳ P, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
18. Anh Mai Xuân B, sinh năm: 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn 1 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
19. Anh Dương Xuân B, sinh năm: 1982; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn 1 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
20. Anh Lê Xuân Quang, sinh năm: 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn 1 Tân Phúc T, xã Kỳ L, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
21. Anh Thiều Văn T, sinh năm: 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn Đồng T, xã Kỳ K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
22. Anh Thiều Văn T, sinh năm: 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn Đồng T, xã Kỳ K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
23. Anh Phạm Quốc D, sinh năm: 2004; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Thôn Đồng T, xã Kỳ K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

(Anh Phùng Công D, anh Nguyễn Văn Q, anh Dương Xuân B, anh Dương Anh Đ, anh Nguyễn Xuân S, anh Lê Văn H, anh Lê Văn B, anh Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Dương Văn T, anh Đinh Xuân H, anh Lê Anh T, anh Lê Văn A, anh Nguyễn S, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Quốc H, anh Nguyễn Bá L, anh Hoàng Văn Đ, anh Lê Thanh H, anh Mai Xuân B, anh Lê Xuân Q, anh Thiều Văn T, anh Thiều Văn T và anh Phạm Quốc D vắng mặt không có lý do)

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Triệu Thị T, sinh năm: 1961; nghề nghiệp: Giáo viên về hưu;
Nơi cư trú: Khu Thống N, xã Đồng T, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Triệu Thị H, sinh năm: 1989; nghề nghiệp: Lao động tự do.
Nơi cư trú: Khu 2, huyện đảo Bạch Long V, T1 phố Hải Phòng.
(Bà Triệu Thị Tân có mặt, chị Triệu Thị Hoa vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với hành vi mua bán người của Lê Xuân T1 và Lê Anh T2:

Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 từng có thời gian làm việc tại các công ty mà chủ là người Trung Quốc ở Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thuộc tỉnh Bokoe, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Công việc chủ yếu là làm phục vụ cho người Việt Nam đánh bạc trực tuyến trên mạng Internet. Khi vào làm việc tại đây thì T1 và T2 đều bị thu giữ hộ cH, bị quản lý, giám sát không cho ra khỏi đặc khu, không cho về Việt Nam nếu muốn về phải nộp tiền chuộc hoặc phải làm việc hiệu quả và thời gian làm việc trên 6 tháng mới được cho về. Thời gian làm việc từ 14 đến 16 tiếng mỗi ngày, nếu công việc không đạt hiệu quả thì sẽ bị trừ lương và đe dọa bán đi nơi khác. Quá trình làm việc, T1 và T2 biết được khi sang làm việc trong Đặc khu kinh tế công việc chủ yếu là thực hiện các hành vi như lừa đảo, phục vụ việc đánh bạc trực tuyến cho người Việt Nam chứ không có hoạt động kinh doanh, sản xuất gì. Cũng trong thời gian này, Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 quen biết với một người phụ nữ có tên thường gọi “Hà My” (không xác định được thông tin, lai lịch) và biết “Hà My” có mối quan hệ với chủ người Trung Quốc hoạt động lừa đảo, tổ chức đánh bạc trực tuyến. Ngày 24/7/2023 thì cả Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 nghỉ làm và về Việt Nam.

Đến khoảng tháng 11/2023, Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 có ý định tiếp tục sang Đặc khu kinh tế Tam giác vàng làm việc nên đã liên hệ với “Hà My” thì được “Hà My” cho biết là có quen biết với người Trung Quốc hoạt động trên lĩnh vực Game, Casino nếu T1 và T2 tìm được người đưa sang làm việc thì công ty sẽ cho hưởng 02% doanh số làm được của những người mà T1, T2 đưa sang và sẽ được làm quản lý đối với những người này. “Hà My” còn cung cấp thông tin cho T1 và T2 như sau: *“Công ty Trung Quốc cần tuyển người đi lao động làm việc tại Thái Lan, làm cho công ty Game hoặc Casino, công việc là soạn thảo văn bản trên máy tính với mức lương từ 5.000 đến 10.000 nhân dân tệ/tháng và sẽ được tăng hàng tháng, được công ty lo ăn ở, làm một ngày 12 tiếng, quá trình làm việc nếu thấy công việc không phù hợp thì có thể xin về không mất chi phí gì”*. Do đã có thời gian làm việc tại Đặc khu kinh tế Tam giác vàng nên T1 và T2 biết được các thông tin “Hà My” đưa ra là không đúng sự thật và biết khi vào làm việc tại đây thì sẽ bị cưỡng bức lao động nhưng vì để có việc làm, có thêm thu nhập, để được hưởng 02% doanh số làm được của những người do mình đưa sang và được làm quản lý, nên từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024 Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 đã nhiều lần đưa ra thông tin không đúng sự thật, không đầy đủ làm cho 20 người bị hại tin tưởng, đồng ý để T1 và T2 trực tiếp đưa đi hoặc hướng dẫn đi sang Đặc khu kinh tế Tam giác vàng và chuyển giao cho chủ người Trung Quốc nhằm mục đích cưỡng bức lao động. Cụ thể như sau:

**Bị cáo Lê Xuân T1 đã 06 lần đưa 16 người Việt Nam xuất cảnh sang Đặc*

khu kinh tế Tam giác vàng thuộc tỉnh BoKeo, Lào và chuyển giao họ cho người khác nhằm để hưởng lợi ích vật chất và cưỡng bức lao động.

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 11/2023, Lê Xuân T1 đã đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho 05 người gồm: Anh Dương Văn Trung, anh Lê Văn Bình, anh Đinh Xuân Hùng, anh Nguyễn Văn Quyết và anh Nguyễn Xuân Sơn tin tưởng để theo Thành đi xuất khẩu lao động. Ngày 01/12/2023 Thành đưa 05 người này xuất cảnh từ Việt Nam đi sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên. Khi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thì nghỉ lại khách sạn sau đó Thành thông báo cho người Trung Quốc biết để ngày hôm sau ra tiếp nhận đưa T1 và những người này vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 12/2023, Lê Xuân T1 liên lạc qua điện thoại với anh Lê Văn Thìn và bằng cách thức như trên Thành đã đưa anh Thìn xuất cảnh từ cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên sang Lào rồi đưa đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác, sau đó Thành thông báo cho người Trung Quốc biết để tiếp nhận đưa anh Thìn vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ ba: Khoảng giữa tháng 12/2023, Lê Xuân T1 liên lạc qua điện thoại với anh Lê Anh T2 và anh Lê Văn Anh, bằng cách thức như trên Thành đã đưa anh T2 và anh Anh xuất cảnh từ cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên sang Lào rồi đi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng, sau đó Thành thông báo cho người Trung Quốc biết để tiếp nhận đưa anh T2, anh Anh vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ tư: Khoảng đầu tháng 01/2024, Lê Xuân T1 liên lạc với anh Dương Anh Điện và bằng cách thức như những lần trước Thành đã đưa anh Điện xuất cảnh từ cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên sang Lào rồi đi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng, sau đó Thành thông báo cho người Trung Quốc biết để tiếp nhận đưa anh Điện vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ năm: Ngày 21/01/2024, Lê Xuân T1 từ Lào nhập cảnh về Việt Nam để đón tết nguyên đán 2024. Trong thời gian về Việt Nam, Lê Xuân T1 tiếp tục đưa ra thông tin không đúng sự thật đối với 04 người gồm: Anh Nguyễn Sơn, anh Nguyễn Thanh Hùng, anh Nguyễn Quốc Hậu và anh Nguyễn Bá Lam làm cho những người này tin tưởng, đồng ý đi theo T1 ra nước ngoài làm việc. Cũng trong thời gian này, Lê Anh T2 đã liên lạc với anh Hoàng Văn Đạt và đưa ra thông tin không đúng sự thật làm cho anh Đạt tin tưởng, đồng ý đi ra nước ngoài làm việc cùng T2. Do Lê Xuân T1 đang về Việt Nam nên Lê Anh T2 nhờ T1 đưa anh Đạt đi sang cùng thì T1 đồng ý. Lúc này, anh Phùng Công Dũng là bạn của anh Hoàng Văn Đạt cũng muốn đi ra nước ngoài làm việc nên nhờ anh Đạt xin cho anh Dũng đi cùng thì T1 đồng ý (việc anh Dũng đi cùng T2 không biết). Sau khi thống nhất với những người nói trên xong, Lê Xuân T1 đã đưa 06 người này xuất cảnh từ Việt Nam sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên. Khi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thì thông báo cho người Trung Quốc biết để đưa T1 và những người đi cùng vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ sáu: Khoảng cuối tháng 3/2024, Lê Xuân T1 liên lạc với anh Lê Văn Hà và bằng cách thức như những lần trước Thành hướng dẫn cho anh Lê Văn Hà xuất cảnh từ cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên sang Lào rồi đi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng. Sau đó Thành thông báo cho người Trung Quốc tiếp nhận đưa anh Hà vào Đặc khu kinh tế.

**Bị cáo Lê Anh T2 đã 04 lần đưa 05 người Việt Nam xuất cảnh sang Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thuộc tỉnh BoKeo, Lào và giao họ cho người khác để hưởng lợi ích vật chất và cưỡng bức lao động:*

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 11/2023, Lê Anh T2 đã đưa ra thông tin không đúng sự thật đối với 02 người là anh Lê Thanh Hải và anh Mai Xuân Bình làm cho những người này tin tưởng, đồng ý đi theo T2 ra nước ngoài làm việc. Ngày 09/12/2023, Lê Anh T2 đưa anh Lê Thanh Hải và anh Mai Xuân Bình xuất cảnh từ Việt Nam đi sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên. Khi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thì T2 thông báo cho người Trung Quốc đến tiếp nhận đưa anh Hải, anh Bình và T2 vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 12/2023, Lê Anh T2 liên lạc với anh Dương Xuân Bình và cũng bằng cách thức như trên Tuấn hướng dẫn cho anh Bình đi đến cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên và xuất cảnh sang Lào rồi đi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng. Sau đó T2 thông báo cho người Trung Quốc đến tiếp nhận đưa anh Bình vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 01/2024, Lê Anh T2 liên lạc với anh Lê Xuân Quang và đưa ra các thông tin gian dối làm cho anh Quang tin tưởng và đồng ý đi ra nước ngoài làm việc cùng T2. Thời điểm này, Lê Anh T2 biết Lê Xuân T1 cũng đang hướng dẫn anh Dương Anh Đi sang nên T2 đã nói với anh Quang đi cùng với anh Điện. Ngày 06/01/2024, anh Lê Xuân Quang và Dương Anh Điện xuất cảnh từ Việt Nam đi sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên. Khi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thì nghỉ lại, sau đó T1 thông báo cho người Trung Quốc đến tiếp nhận đưa anh Quang và anh Điện vào Đặc khu kinh tế.

Lần thứ tư: Khoảng cuối tháng 02/2024, Lê Anh T2 liên lạc với anh Hoàng Văn Đạt và đưa thông tin không đúng sự thật làm cho anh Đạt tin tưởng đi ra nước ngoài làm việc cùng T2. Thời điểm này, Lê Xuân T1 đang về Việt Nam đón tết nên Lê Anh T2 đã nhờ T1 đưa anh Đạt sang cùng thì T1 đồng ý. Ngày 26/02/2024, T1 trực tiếp đưa anh Hoàng Văn Đạt cùng với 05 người khác xuất cảnh từ Việt Nam đi sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang, tỉnh Điện Biên. Khi đến gần Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thì T1 thông báo cho người Trung Quốc biết để tiếp nhận đưa T1 và những người này vào Đặc khu kinh tế.

Những người bị hại sau khi được Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 chuyển giao cho người Trung Quốc đưa vào Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thì bị thu giữ hộ chiếu bị quản lý, giám sát, không cho ra khỏi đặc khu, không cho về Việt Nam nếu muốn về phải nộp tiền chuộc khoảng trên 100.000.000 đồng. Những người bị hại bị cưỡng bức lao động, thực hiện công việc trái với ý muốn của họ như: bị ép buộc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người Việt Nam bằng hình thức sử dụng tài khoản mạng xã hội ảo để kết bạn, làm quen, tạo lòng tin và rủ đầu tư kinh doanh; phải làm việc từ 14 giờ đến 16 giờ mỗi ngày; luôn có người Trung Quốc quản lý, giám sát trong quá trình làm việc và ăn nghỉ. Ai không hoàn thành công việc được giao thì sẽ bị chủ và quản lý người Trung Quốc chửi bới, đe dọa bán đi nơi khác, không được trả lương đầy đủ và bị đánh đập. Do biết công việc của mình là vi phạm pháp luật và không chịu nổi việc bị cưỡng bức lao động, nên khoảng đầu tháng 4/2024 thì anh Lê Xuân Quang, Lê Văn Thìn, Nguyễn

Xuân Sơn, Lê Văn Anh và Đinh Văn Hùng đã bỏ trốn ra khỏi Đặc khu kinh tế Tam giác vàng và trở về Việt Nam. Từ thời điểm này thì người Trung Quốc càng siết chặt quản lý đối với những người trong nhóm của Lê Xuân T1 và Lê Anh T2. Đến tháng 4/2024, do bị quản lý chặt, bị trừ lương và lo sợ bị bán đi nơi khác nên những người bị hại còn lại yêu cầu Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 phải tìm cách đưa họ trốn ra khỏi Đặc khu kinh tế Tam giác vàng để về Việt Nam. Lúc này, Lê Xuân T1 đã liên hệ và đưa tiền để Triệu Thanh T và Bùi Duy H nhờ người đưa T1, T2 và những người trốn ra ngoài Đặc khu kinh tế Tam giác vàng nhưng không T1 công. Ngày 19/5/2024, Lê Xuân T1 đã xin số điện thoại để anh Dương Anh Điền hệ nhờ anh Lê Thanh Trầm đưa T1, T2 và những người bị hại bỏ trốn ra khỏi Đặc khu kinh tế Tam giác vàng. Đến ngày 29/5/2024, Công an tỉnh Hà Tĩnh phối hợp với Công an Lào giải cứu, đưa Lê Xuân T1, Lê Anh T2 và những người bị hại về Việt Nam. Vào các ngày 29 và 30/6/2024, Lê Xuân T1 và Lê Anh Tuấn xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình làm việc tại Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thì Lê Xuân T1, Lê Anh T2 và những người bị hại vẫn được trả lương hàng tháng, nhưng số tiền lương không được nhận như hứa hẹn trước đó. Trong đó, Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 cũng được hưởng lương như những người bị hại khác và đã nhận 05 tháng lương, mỗi người được tổng số tiền 26.500 nhân dân tệ (khoảng gần 90.000.000 đồng). Riêng đối với khoản tiền mà T1 và T2 được hứa hẹn sẽ hưởng 02% doanh số của những người mình giới thiệu đưa sang làm việc, do việc lừa đảo chưa hoàn T1 mà những người trong nhóm bỏ trốn, nên T1 và T2 chưa được hưởng khoản tiền này.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024, bị cáo Lê Xuân T1 đã có 06 lần mua bán đối với 16 người; bị cáo Lê Anh T2 đã có 04 lần mua bán đối với 05 người (trong đó có anh Hoàng Văn Đạt do T2 giới thiệu và đưa ra thông tin gian dối, nhưng do T1 trực tiếp đưa đi).

2. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Bùi Duy H và Triệu Thanh T:

Bùi Duy H và Triệu Thanh T mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng sống chung như vợ chồng, cả hai mở quán ăn phía ngoài cổng Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thuộc tỉnh Bokeo, Lào. Quá trình làm việc tại Đặc khu kinh tế tam giác vàng, bị cáo Lê Xuân T1 quen biết T và H. Khoảng tháng 4/2024, T1 đã liên hệ đặt vấn đề nhờ Triệu Thanh T và Bùi Duy H tìm cách đưa T1, T2 và những người bị hại trong nhóm của T1 ra khỏi Đặc khu kinh tế Tam giác vàng để về Việt Nam thì T và H đồng ý. Thời điểm này Bùi Duy H và Triệu Thanh T đang về Việt Nam, nên H đã liên hệ với một người Lào (không rõ thông tin, lai lịch) để nhờ giúp đỡ thì người này đồng ý với chi phí 10.000 nhân dân tệ mỗi người và yêu cầu cung cấp thông tin của những người muốn trốn ra khỏi Đặc khu kinh tế. Bùi Duy H và Triệu Thanh T đã thông tin lại với Lê Xuân T1 và yêu cầu đóng trước mỗi người 15.000.000 đồng. Ngày 09/5/2024, Bùi Duy H xuất cảnh từ Việt Nam sang Lào, còn Triệu Thanh T vẫn ở lại Việt Nam. Đến ngày 14/5/2024, có 09 người bị hại đã chuyển tiền cho Lê Xuân T1 để T1 chuyển cho H hoặc trực tiếp chuyển tiền cho H với tổng số tiền 115.015.000 đồng gồm Lê Xuân T1, anh Dương Văn T, anh Lê Văn B, anh Lê Văn H, anh Nguyễn S, anh Nguyễn Thanh

H, anh Nguyễn Quốc H mỗi người số tiền 15.000.000 đồng; anh Dương Anh Đ số tiền 10.000.000 đồng và anh Thiệu Văn T 15.000 đồng (do ấn nhầm số tiền 15.000.000 đồng T1 15.000 đồng). Sau khi nhận được số tiền trên, Triệu Thanh T và Bùi Duy H đã dùng để đổi ra 15.000 Nhân dân tệ (tương ứng với số tiền 50.340.450 VNĐ theo tỷ giá quy đổi của Việt Nam đồng và Nhân dân tệ vào ngày 15/5/2024) và ngày 15/5/2024, H đã đưa 15.000 Nhân dân tệ cho người Lào để người này giúp đưa những người trong nhóm của T1 bỏ trốn. Đến ngày 16/5/2024, thì Bùi Duy H từ Lào về Việt Nam và H nói với T1 những ai muốn trốn ra khỏi Đặc khu kinh tế thì tiếp tục đóng tiền. Nên trưa ngày 17/5/2024, Lê Anh T2 đứng ra thu tiền của 10 người và của T2 để chuyển cho H tổng số tiền 165.000.000 đồng (mỗi người 15.000.000 đồng), gồm: Lê Anh T2, anh Nguyễn Văn Quyết, anh Mai Xuân B, anh Dương Xuân B, anh Lê Thanh H, anh Phùng Công D, anh Hoàng Văn Đạt, anh Lê Anh T2 và các anh Thiệu Văn Trọng, Phạm Quốc Dũng, Thiệu Văn Thương (ba người này tự tìm hiểu trên mạng Internet đi sang Lào vào Đặc khu kinh tế Tam giác vàng, được bố trí vào làm việc cùng với Lê Xuân T1). Sau khi nhận số tiền 165.000.000 đồng, Bùi Duy H đã chuyển hết cho Triệu Thanh T. Lúc này, H và T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền còn lại mà nhóm của T1, T2 chuyển đến. Từ thời điểm này, mặc dù H và T đang ở Việt Nam và không có bất cứ hoạt động nào để đưa nhóm của T1 và T2 ra, nhưng vẫn tiếp tục hứa hẹn và đưa ra thông tin gian dối là do nhóm T1 chuyển tiền muộn nên H đang đi đổi sang Nhân dân tệ để đưa cho người Lào, đang làm các thủ tục để đưa người ra. Nhưng Bùi Duy H và Triệu Thanh T vẫn không đưa được người ra ngoài, nên Lê Xuân T1 nhiều lần liên hệ với H và T để đòi lại tiền thì H và T nói dối là tiền đã đưa hết cho người Lào và còn phải bỏ thêm 20.000 Nhân dân tệ; H và T không được hưởng lợi gì... để không phải trả lại tiền cho những người bị hại. Đến ngày 19/5/2024, do không được H và T giúp trốn ra khỏi đặc khu nên Lê Xuân T1 đã xin số điện thoại để anh Dương Anh Đ liên hệ nhờ anh Lê Thanh Trầm giúp những người bị hại bỏ trốn ra khỏi Đặc khu kinh tế Tam giác vàng. Sau khi trốn được ra ngoài, Lê Xuân T1 tiếp tục liên hệ với Bùi Duy H để đòi tiền nhưng H không nghe máy, không trả lời tin nhắn. Lê Xuân T1 đã liên hệ với Triệu T1 T để đòi tiền nhưng Tuyên không trả. Ngày 21/5/2024, Lê Xuân T1, Lê Anh T2 và những người bị hại nói trên được Công an Lào đưa về làm việc và ngày 29/5/2024, Công an tỉnh Hà Tĩnh phối hợp với Công an Lào đưa những người bị hại về Việt Nam. Đến ngày 30/6/2024, Bùi Duy H xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Như vậy, tổng số tiền mà Lê Xuân T1, Lê Anh T2 và những người trong nhóm đã chuyển cho Bùi Duy H là 280.015.000 đồng. Sau khi nhận tiền lần thứ nhất vào ngày 14/5/2024, thì Bùi Duy H đã đưa cho người Lào 15.000 Nhân dân tệ (tương đương 50.340.450 VNĐ). Còn lại số tiền 229.674.550 đồng Bùi Duy H và Triệu Thanh T đã chiếm đoạt sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Vật chứng vụ án đã thu giữ trong quá trình điều tra: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám và 01 chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone X, màu đen.

Các vật chứng này hiện nay đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Duy H và Triệu Thanh T đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã nhận với tổng số tiền 280.015.000 đồng (trong đó có 260.000.000 đồng là tiền của H và T và 20.015.000 đồng là tiền do T tác động nhờ gia đình bồi thường) cho những người bị hại. Nay các bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Bùi Duy H, Triệu Thanh T.

Đối với 20 người bị hại bị Lê Anh T1 và Lê Xuân T2 lừa đưa sang lao động tại Đặc khu kinh tế Tam giác vàng không yêu cầu các bị cáo T1 và T2 phải bồi thường về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P2, ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố các bị cáo Lê Xuân T1 về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự; Lê Anh T2 về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Bùi Duy H và Triệu Thanh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Lê Xuân T1 mức án tù 14 đến 15 năm tù về tội “Mua bán người”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/7/2024.

Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Lê Anh T2 mức án tù 09 đến 10 năm tù về tội “Mua bán người”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/7/2024.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Duy H mức án tù 06 đến 07 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam, ngày 04/7/2024.

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Triệu Thanh T mức án tù 04 đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam, ngày 04/7/2024.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên miễn xét. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng hồng; 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone 8, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Triệu Thanh Tuyên: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Xuân T1, Lê Anh Tuấn, Bùi Duy H và Triệu Thanh Tuyên không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Tân không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Đối với số tiền 20.015.000 đồng mà gia đình bà đã bỏ ra để bồi thường cho người bị hại thay cho 02 bị cáo Triệu Thanh Tuyên và Bùi Duy H thì bà không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

Bị cáo Lê Xuân T1 nói lời nói sau cùng: Cho bị cáo xin lỗi những người bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Lê Anh T2 nói lời nói sau cùng: Cho bị cáo được xin lỗi những người bị hại xin, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc bố mẹ nuôi dạy con cái.

Bị cáo Bùi Duy H nói lời nói sau cùng: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Triệu Thanh T nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc kháng nghị về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, những người bị hại gồm anh Phùng Công D, anh Nguyễn Văn Q, anh Dương Xuân B, anh Dương Anh Đ, anh Nguyễn Xuân S, anh Lê Văn H, anh Lê Văn B, anh Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Dương Văn T, anh Đinh Xuân H, anh Lê Anh T, anh Lê Văn A, anh Nguyễn S, anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Quốc H, anh Nguyễn Bá L, anh Hoàng Văn Đ, anh Lê Thanh H, anh Mai Xuân B, anh Lê Xuân Q, anh Thiệu Văn T, anh Thiệu Văn T và anh Phạm Quốc D vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị H vắng mặt không có lý

do. Quá trình điều tra những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại hồ sơ, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo Lê Xuân T1, Lê Anh T2, Bùi Duy H và Triệu Thanh T khai nhận: Trong khoảng thời gian làm việc trong các công ty mà chủ là người Trung Quốc ở Đặc khu kinh tế Tam giác vàng thuộc tỉnh BoKeo, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 biết được khi vào làm việc ở đây sẽ bị thu hộ chiếu, bị cưỡng bức lao động và không cho về Việt Nam...nhưng vì muốn có việc làm, được hứa hẹn sẽ được hưởng 02% tiền doanh thu của những người mà các bị cáo đưa sang lao động và được làm quản lý. Vì thế, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024 các bị cáo T1 và T2 đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật như khi đi sang lao động ở Lào sẽ vào làm cho các Công ty Game hoặc Casino, công việc chính là soạn thảo văn bản trên máy tính, từ đó làm cho 20 người lao động tin tưởng để các bị cáo đưa sang Lào làm việc, sau đó các bị cáo Thành và Tuấn giao họ cho chủ sử dụng lao động người Trung Quốc. Trong đó, Lê Xuân T1 đã 06 lần mua bán 16 người, còn Lê Anh Tuấn đã 04 lần mua bán 05 người.

Cũng trong thời gian này lợi dụng việc những người lao động muốn tìm cách trốn khỏi Đặc khu kinh tế Tam giác vàng, tỉnh BoKeo, Lào nên Bùi Duy H và Triệu Thanh T đã 02 lần nhận tiền của 19 người bị hại với tổng số tiền 280.015.000 đồng và hứa hẹn giúp họ trốn khỏi Đặc khu kinh tế Tam giác vàng. Sau đó, H và T đã đưa cho một người Lào (không rõ thông tin, lai lịch) số tiền 15.000 Nhân dân tệ (tương đương 50.340.450 VNĐ) để đưa những người này trốn khỏi Đặc khu kinh tế nhưng không được. Số tiền còn lại 229.674.550 đồng thì H và T chiếm đoạt tiêu xài vào cá nhân. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Lê Xuân T1, Lê Anh T2, Bùi Duy H và Triệu Thanh T là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi mua bán người, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đây là các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy hành vi của bị cáo Lê Anh T2 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lê Xuân T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Bùi Duy H và Triệu Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Điều đó khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[4]. Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu trong nhân

dân ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Trong đó, các bị cáo T1 và T2 đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán người qua biên giới nhằm mục đích trục lợi. Hành vi của các bị cáo T1 và T2 đã xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của công dân, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Đối với các bị cáo Bùi Duy H và Triệu Thanh T mặc dù không có khả năng đưa những người bị hại trốn khỏi đặc khu kinh tế tam giác vàng nhưng đã lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, để yêu cầu họ chuyển tiền rồi chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo Hiếu và Tuyên đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm.

Đối với hành vi của các bị cáo Lê Xuân T1, Lê Anh T2 và Bùi Duy H cần xử phạt thật nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với hành vi của bị cáo Triệu Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường đầy đủ khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bổ đề được Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng tặng Bằng khen. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS do đó cần áp dụng Điều 54 BLHS để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5]. Về xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo Lê Xuân T1 có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Anh T1, Bùi Duy H và Triệu Thanh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Lê Xuân T1 có các tình tiết giảm nhẹ là đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có cha là ông Lê Xuân Đ được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba, hiện là Bệnh binh với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 45%, có mẹ là bà Nguyễn Thị P được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, hiện được hưởng chế độ như Thương binh với tỷ lệ thương tật 4/4; Bị cáo Lê Anh T2 có các tình tiết giảm nhẹ là đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có cha đẻ là ông Lê Xuân K từng tham gia quân đội được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen; Bị cáo Bùi Duy H có các tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo Triệu Thanh T có các tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có cha đẻ là ông Nguyễn Xuân T tham gia quân đội được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen, mẹ đẻ là bà Triệu Thị Tân quá trình công tác có T1 tích xuất sắc được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Bộ Giáo dục & Đào tạo tặng Kỷ niệm chương và nhiều Giấy khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo T1, T2, H và T là lao động tự

do không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Duy H và Triệu Thanh T đã tự nguyện bồi thường cho 19 người bị hại với tổng số tiền 280.015.000 đồng, nay các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Đối với 20 người bị hại mà bị các bị cáo T1 và T2 mua bán sang Lào không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự.

[8]. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo Lê Xuân T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím; thu giữ của bị cáo Lê Anh T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng hồng; thu giữ của bị cáo Bùi Duy H 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen; thu giữ của bị cáo Triệu Thanh T 02 điện thoại di động trong đó, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen.

Các bị cáo T1, T2, H và T khai nhận đã sử dụng các điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng hồng; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen và điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám để liên lạc với bị hại, để chuyển tiền cho nhau nên xác định đây là các công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen thu giữ từ bị cáo T, điện thoại này bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên được trả lại cho bị cáo.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Những tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Ngoài ra trong quá trình điều tra xác định Lê Xuân T1, Lê Anh T2 và những người bị hại khi vào Đặc khu kinh tế Tam giác vàng, tỉnh BoKeo, Lào đã bị ép buộc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của người Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình điều tra ngoài lời khai của T1, T2 và những người bị hại thì không còn có tài liệu, chứng cứ nào khác, không thu giữ được các dữ liệu, chứng cứ liên quan, không xác định được người bị hại, vì thế không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với hành vi này.

Đối với công ty, chủ và quản lý người Trung Quốc, người có tên “Hà My” liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Xuân T1, Lê Anh T2 và “người Lào” đã nhận tiền từ Bùi Duy H để giúp những người bị hại ra khỏi Đặc khu kinh tế, nhưng không có đủ thông tin, tài liệu để điều tra xử lý.

Ngoài những người bị hại của tội “Mua bán người” do Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 thực hiện nêu trên, thì ngày 29/5/2024 Công an Lào còn bàn giao 22 người khác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình điều tra xác định những người này tự tìm hiểu trên mạng Internet đi sang Lào vào những thời gian khác nhau, không có đủ cơ sở, thông tin, tài liệu để xác định họ là bị hại của hành vi mua bán người, cũng như không có đủ căn cứ để xác minh những người đã đưa họ đi sang Lào cho nên không có đủ căn cứ để xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân T1 và Lê Anh T2 phạm tội “*Mua bán người*”; các bị cáo Bùi Duy H và Triệu Thanh T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo **Lê Xuân T1 14** (*Mười bốn*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/7/2024.

- Căn cứ vào điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo **Lê Anh T2 09** (*Chín*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/7/2024.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo **Bùi Duy H 06** (*Sáu*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam, ngày 04/7/2024.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo **Triệu Thanh T 04** (*Bốn*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam, ngày 04/7/2024.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím (*thu từ bị cáo Lê Xuân T1*); 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng hồng (*thu từ bị cáo Lê Anh T2*); 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen và 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen (*thu từ bị cáo Bùi Duy H*); 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám (*thu từ bị cáo Triệu Thanh T*).

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Triệu Thanh T: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen.

(*Đặc điểm, tình trạng tang vật có tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh*)

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc các bị cáo Lê Xuân T1, Lê Anh T2, Bùi Duy H và Triệu Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PV06, PC01 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Văn phòng Tòa án (để công bố)
- Lưu HSVA+VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Hoàn